TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA VIỄN** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ - ST
Ngày 21/4/2023.
V/v: "Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*** ông Đinh Xuân Tưởng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quốc Trị

2. Ông Đinh Công Hiến.

Thư ký phiên toà: ông Đoàn Thanh Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Viễn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2022/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc: *"Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST- HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* chị Bùi Thị H, sinh năm 1979.

Bị đơn: anh Đinh Công B, sinh năm 1976.

Đều trú tại: thôn 6, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị H có mặt tại phiên tòa, anh B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2022 và bản tự khai, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: tôi và anh Đinh Công B được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn vào ngày 01-11-1999. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống với nhau tại xóm 6, xã G, huyện G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài cho đến gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau khiến tình cảm rạn nứt, vợ chồng sống không còn thương yêu, tôn trọng nhau nữa. chúng tôi đã nhiều lần tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Đến nay tôi thấy tình cảm vợ

chồng tôi không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đinh Công B.

Về con chung: Chúng tôi có ba con chung là Đinh Quỳnh A, sinh ngày 20-11-2001; Đinh Hà A, sinh ngày 02-11-2008 và Đinh Hoàng A, sinh ngày 02-03-2021. Hiện nay cháu Quỳnh A đã trưởng thành trên 18 tuổi nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Đối với cháu Hà A và Hoàng A khi ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Hà A và Hoàng A. Tôi không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cho tôi.

Về tài sản và công nợ chung: chúng tôi tự thỏa thuận giải quyết với nhau không đề nghị Tòa án xem xét.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và đã nhiều lần tống đạt trực tiếp, niêm yết các loại văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh B vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại đơn xác nhận của UBND xã Gia Vượng ngày 27-12-2022, chính quyền địa phương nơi anh B cư trú đã xác nhận: chị Bùi Thị H và anh Đinh Công B có đăng ký kết hôn với nhau hợp pháp tại UBND xã Gia Vượng vào ngày 01-11-1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh B có đăng ký hộ khẩu thường trú và chung sống với nhau tại thôn 6, xã G, huyện G. Chị H và anh B chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian dài cho đến gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, bản thân anh B không quan tâm tới gia đình, vợ con khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng. Hiện tại anh B vẫn sinh sống tại địa chỉ đã đăng ký hộ khẩu thường trú thôn 6, xã Gia V, huyện Gia V. Anh B không đăng ký tạm vắng, tạm trú ở nơi khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đinh Công B có địa chỉ tại thôn 6, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Đinh Công B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người chung sống với nhau tại thôn 6, xã G, huyện G, tỉnh Ninh B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến được một thời gian dài cho đến gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, bản thân anh B không quan tâm tới gia đình vợ con, khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Chị H khẳng định hiện nay mâu thuẫn vợ chồng chị đã đến mức thật sự trầm trọng

không khắc phục được, chị không còn yêu thương anh B nữa. Bản thân anh B không có mặt tại Tòa án để làm việc, trong khi anh B vẫn đang sinh sống tại thôn 6, xã G, huyện G, tỉnh N, dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều đó chứng tỏ anh B không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Bùi Thị H và anh Đinh Công B đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị H. Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Đinh Công B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Đinh Công B có ba con chung là Đinh Quỳnh A, sinh ngày 20-11-2001; Đinh Hà A, sinh ngày 02-11-2008 và Đinh Hoàng A, sinh ngày 02-03-2021. Xét thấy hiện nay cháu Quỳnh A đã trưởng thành trên 18 tuổi và tự lập được cuộc sống nên Tòa án không xem xét. Đối với cháu Hà A đã có bản tự khai và nguyện vọng muốn được ở với chị H, còn cháu Hoàng A hiện nay còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của chị H. Bản thân chị H có công việc ổn định và thu nhập khá, còn anh B sống không quan tâm tới gia đình, vợ con. Do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Hà A và Hoàng A nên cần giao cháu Đinh Hà A và Đinh Hoàng A cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Hà A và Hoàng A đủ 18 tuổi. Do chị H không yêu cầu nên Tòa án không buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà không xét.

[5] Về án phí: chị Bùi Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Đinh Công B.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Đinh Công B.

2. Về nuôi con chung: giao cháu Đinh Hà A, sinh ngày 02-11-2008 và cháu Đinh Hoàng A, sinh ngày 02-03-2021 cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đinh Công B có quyền đi lại thăm nom con mà không ai ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị H tạm thời không yêu cầu anh Đinh Công B cấp dưỡng.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hiếu đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn theo biên lai số AA/2021/0004212 ngày 03-11-2022.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Đinh Xuân Tưởng

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Ninh Bình;
- VKS huyện Gia Viễn;
- Chi cục THADS Gia Viễn;
- UBND xã Gia Vượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.